

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN CHÂU THÀNH **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
TỈNH BẾN TRE

Bản án số: **15 / 2024/DS-ST**

Ngày: 21/3/2024

V/v: “*tranh chấp hợp đồng mua bán cây giống*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Tuyết**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Tân
2. Bà Phạm Thu Trúc

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Phạm Thị Mai Đình**- Thư ký tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phan Thanh Việt- Kiểm sát viên.

Vào ngày 21/3/2024, tại trụ sở tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 232/2023/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2023 về việc “*tranh chấp hợp đồng mua bán cây giống*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2024/QĐST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn L** (tên gọi khác **Nguyễn Văn S**), sinh năm: 1978;

Địa chỉ: **ấp I, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.**

2. Bị đơn: Bà **Trần Thúy N**, sinh năm: 1971;

Ông **Dương Văn D**, sinh năm: 1969;

Địa chỉ: **ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre;**

Người đại diện theo ủy quyền của bà N, ông D: Bà **Nguyễn Thị Duy T**, sinh năm 1981;

Địa chỉ: **ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang;**

(Ông **L**, bà **T** có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa, Ông L trình bày:

Vào ngày 19/7/2022, ông L và bà Trần Thúy N, ông Dương Văn D có hợp đồng mua bán cây giống. Theo nội dung trong hợp đồng mua bán thì ông và bà N, ông D thỏa thuận mua số lượng cây giống là trên dưới 200 ngàn cây giống lấy cây bao nhiêu tính tiền bấy nhiêu, loại 01 cơ 06 lá trở lên với giá tiền là 9.500 đồng một cây; loại 2 cơ tất 8 trở lên, có phôi tất rưỡi trở lên. Ông L đã đặt cọc trước cho ông D, bà N số tiền là 50 triệu đồng. Thời gian giao cây kể từ ngày 19/7/2022 đến tháng 9 năm 2023.

Ngoài thỏa thuận trong hợp đồng với nội dung như trên, ông và vợ chồng bà N còn có thỏa thuận bằng lời nói với các nội dung như: Bà N hứa cam kết bằng lời nói sẽ ghép đủ 70 ngàn cây giống vào ngày 15/10/2022 âm lịch, còn ông hứa khi bà N ghép đủ 70 ngàn cây giống vào thời gian trên ông sẽ giao tiếp cho bà N 50 triệu đồng để bà N có chi phí làm cây giống, đồng thời ông có hứa sẽ mua phân thuốc giùm cho bà N, lấy bo cây và chở qua giùm cho bà N để bà N có bo ghép cây; chi phí phân thuốc và tiền công mướn người lật bo thì bà N chịu, thời gian giao cây lần 1 vào tháng 02 /2023.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông đã nhờ người lật bo và chở bo qua cho bà N vào khuya trước ngày rằm tháng 10 âm lịch, giao phân thuốc cho bà N. Sau đó việc bà N bo cây, ghép cây như thế nào ông không biết. Đến ngày 19/10/2022 âm lịch thì bà N điện thoại qua báo là bo của ông chở qua đã hư hết, không sử dụng được, yêu cầu ông ứng thêm 50 triệu đồng để bà N lấy bo ghép cây, ông không đưa thêm tiền này. Đến tháng 11/2022 thì ông qua vườn cây thấy bà N ghép không đúng số lượng cây đã hứa là 70 ngàn cây. Vì lo lắng đến việc bung cây vào tháng 2/2023 cũng như ảnh hưởng đến cam kết của ông với bạn hàng khác nên ông có trao đổi với bà N bằng lời nói sẽ chỉ bung cây giống trong tổng số tiền đã đặt cọc, bà N không đồng ý nên hai bên cự cãi. Sau nhiều lần trao đổi bằng lời nói thì bà N đồng ý tự bán cây, khi bán cây bà N phải báo cho ông biết để ông chứng kiến và bà N sẽ trả tiền cọc lại cho ông. Đến nay mặc dù đã bán cây giống nhưng bà N vẫn không trả lại tiền cọc, tiền phân thuốc, tiền công bo cây cho ông. Do đó ông khởi kiện yêu cầu bà N, ông D có trách nhiệm liên đới trả cho ông là 50 triệu đồng tiền đặt cọc mua cây giống, 3.050.000 đồng tiền phân thuốc do ông mới chỉ nhận được 4.930.000 đồng tiền phân thuốc mà bà N trả và 2.000.000 đồng công lật bo cây; Tổng số tiền ông L yêu cầu vợ chồng bà N trả là 55.050.000 đồng, ông L không yêu cầu tính lãi số tiền trên.

Lý do ông yêu cầu vợ chồng bà N, ông D trả lại tiền cọc 50 triệu đồng vì bà N ông D không làm đúng thỏa thuận là ghép bo được 70 ngàn cây vào ngày rằm tháng 10/2022 âm lịch; không giao được bất kỳ cây giống nào cho ông vào ngày phải giao cây đợt 1 là ngày 20/2/2023 và trước đó tự ý bán một số cây giống cho người khác mà không báo với ông.

Quá trình tố tụng tại Tòa, bị đơn là Bà Trần Thúy N, ông Dương Văn D, và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà Nguyễn Thị Duy T cùng trình bày các nội dung sau:

Vợ chồng bà N, ông D có thỏa thuận hợp đồng mua bán cây giống với ông L vào ngày 19/7/2022 như ông L trình bày, người trực tiếp ký hợp đồng bằng giấy tay với ông L là bà N. Về nội dung thỏa thuận mua bán cây giống giữa bà N, ông D với ông L đã được thể hiện rõ trong hợp đồng. Ngoài các nội dung trong hợp đồng thì bà N còn thỏa thuận bằng lời nói với ông L liên quan đến việc mua bán cây giống gồm một số nội dung như: vào ngày ghép cây 15/9/2022 âm lịch, bà N ông D sẽ ghép khoảng 70 ngàn cây, ông L đưa thêm cho vợ chồng bà N 50 triệu để bà N ông D có tiền làm cây giống; phân thuốc và bo cây thì ông L sẽ phụ mua, phụ cắt bo và giao qua cho bà N, bà N sẽ trả tiền phân thuốc, tiền công bo cây; mọi việc liên quan đến việc chăm sóc cây đều do bà N lo chỉ khi nào bo cây đủ lá đủ tấc, có phôi như trong hợp đồng thì bà N sẽ điện thoại cho ông L qua lấy cây; không có việc bà N và ông L thỏa thuận ngày ghép cây là ngày 15/10/2022 âm lịch, không có thỏa thuận giao cây đợt 1 vào tháng 2 năm 2023 như ông L trình bày.

Bà N có nhận 50 triệu đồng tiền cọc để mua cây của ông L, số tiền này sẽ được trừ dần khi ông L lấy cây. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà N đã thực hiện đúng cam kết là ghép cây vào ngày 15/9/2022 âm lịch, tuy nhiên, vào ngày này do số bo mà ông L đã mang qua cho bà N vào tối hôm trước đã bị hư, không ghép được nên bà N có báo ông L bằng điện thoại, yêu cầu ông L đưa thêm 50 triệu đồng như đã hứa để bà N có tiền xoay trở việc ghép cây. Tuy nhiên, ông L không đưa thêm 50 triệu đồng như đã hứa cho bà N. Bà N và ông D vẫn phải nhờ người tìm bo mới và tiếp tục ghép cây vì cây đã đến độ phải ghép, nếu không ghép cây thì cây giống sẽ bị hư. Sau đó, qua trao đổi nhiều lần qua điện thoại ông L nói bà N tự bán cây, ông L không lấy cây nữa và yêu cầu bà N trả lại tiền cọc. Bà N không đồng ý, nhưng sau đó vì ông L vẫn không lấy cây mặc dù đã nhiều lần bà N yêu cầu nên bà N cũng đồng ý với ông L là sẽ tự bán cây và có hứa nếu bán được hết cây thì sẽ trả tiền cọc lại cho ông L. Mặc dù đã cố bán cây

nhưng bà N không bán được bao nhiêu cây, vì các lái buôn cây đã có bạn hàng buôn bán của họ trước đó, giờ chỉ có bán cây giống nhỏ lẻ nhưng bà N cũng chấp nhận bán để bù lỗ. Bà N khẳng định không có vi phạm hợp đồng với ông L, nên không đồng ý trả lại tiền 50 triệu đồng cho ông L. Bà N có hứa trả lại số tiền này cho ông L nhưng với điều kiện là phải bán hết được lượng cây giống mà bà N ông D trước đó đã ươm nhưng thực tế không bán được. Đến thời điểm ông L kiện bà N ông D ra Ủy ban nhân dân xã T, vườn cây giống của bà N vẫn còn rất nhiều cây, tại buổi hòa giải bà N vẫn tiếp tục yêu cầu ông L lấy cây hoặc phụ bán cây với bà N. nhưng ông L vẫn không lấy cây, việc bán cây không được. Đến cuối tháng 9 năm 2023 thì do vườn cây giống của bà N hết thời hạn thuê đất nên bà N đành phải thuê người phụ nhỏ bỏ cây giống để trả lại đất cho chủ đất.

Đối với tiền phân thuốc thì bà N thừa nhận có nhờ ông L mua giùm. Mỗi lần mua phân thuốc ông L đều chụp hình gửi qua cho bà xem nhãn hiệu. Bà đã trả cho ông L số tiền phân thuốc là 4.390.000 đồng ; không còn thiếu tiền phân thuốc ông L nên bà N, ông D không đồng ý trả cho ông L số tiền phân thuốc mà ông L yêu cầu là 3.050.000 đồng.

Đối với tiền công lật bo cây, bà N ông D thừa nhận có nhờ ông L nhờ người lật bo và chở giùm qua cho bà N, và bà N chưa trả tiền công cho ông L, nay bị đơn đồng ý trả cho ông L 500 ngàn đồng tiền công bo cây.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự, thủ tục về tố tụng, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, đảm bảo việc xét xử vô tư, khách quan.

Những người tham gia tố tụng: Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L về việc yêu cầu bị đơn bà N, ông D trả số tiền mười lăm triệu 2.000.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L về việc yêu cầu bị đơn bà N, ông D trả số tiền cọc mua cây là 50.000.000 đồng và số tiền mua thuốc 3.050.000 đồng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng mua bán cây giống được quy định tại khoản 3, khoản 6 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Ông **D**, bà **N** hiện đang sinh sống tại **ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre** nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Đối với yêu cầu bị đơn trả số tiền 50 triệu đồng tiền đặt cọc:

Ông **L**, bà **N**, ông **D** đều thừa nhận các bên có hợp đồng mua bán cây giống vào ngày 19/7/2022, do ông **L** (tên khác là **S**) và bà **N** đại diện ký bằng giấy tay. Về nội dung và hình thức của hợp đồng không trái với quy định của pháp luật, các đương sự tự nguyện tham gia giao dịch nên căn cứ vào Điều 117, 401 Bộ Luật dân sự, hợp đồng mua bán cây giống ngày 19/7/2022 giữa ông **L** và bà **N** có hiệu lực pháp luật.

Nội dung của hợp đồng mua bán cây giống trên thể hiện ông **L**, ông **D**, bà **N** thỏa thuận ông **L** là bên mua cây, vợ chồng bà **N** là bên bán cây giống; hai bên thỏa thuận mua bán trên dưới 200 ngàn cây giống, ông **L** đã đặt cọc trước cho phía bị đơn số tiền 50.000.000 đồng, số tiền này sẽ trừ vào số tiền cây giống sẽ nhận; ông **D** bà **N** giao cây cho ông **L** loại 1 cơ 6 lá trở lên với giá 9.500 đồng (chín ngàn năm trăm đồng); loại 2 có 2 cơ tất 8 trở lên, có phôi tất rươi trở lên; thời gian giao cây từ ngày 19/7/2022 đến tháng 9/2023.

Ông **L** khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà **N**, ông **D** hoàn trả cho ông 50 triệu đồng do ông **L** cho rằng ông **D** bà **N** vi phạm hợp đồng, cụ thể là không ghéo (ghép) cây đúng vào ngày 2 bên thỏa thuận là ngày 15/10/2022 âm lịch; không giao cây đợt 1 cho ông đúng vào tháng 02/2023; tự ý bán cây giống với số lượng khoảng 2 ngàn cây giống mà không báo cho ông biết trước, ngoài ra còn lý do khác là vì bà **N** ông **D** đã hứa trả cho ông 50 triệu tiền đặt cọc. Tuy nhiên, phía bị đơn không có thừa nhận có thỏa thuận về thời gian ghép cây, giao cây như ông **L** trình bày. Căn cứ bản hợp đồng mua bán hai bên ký kết không có nội dung thỏa về thời gian ghép cây, thời gian giao cây đợt 1 là vào tháng 02/2023, chỉ có nội dung thể hiện thời hạn giao cây tới tháng 9 năm 2023.

Biên bản hòa giải tại xã T ngày 10/8/2023, phía bị đơn cũng có yêu cầu ông L nhận cây giống, lúc này vẫn còn trong thời hạn giao cây như hợp đồng, nhưng ông L không đồng ý nhận. Ông L cũng thừa nhận phía bị đơn có nhiều lần yêu cầu lấy cây giống như ông không đồng ý nhận. Ông L cho rằng bà N vi phạm hợp đồng còn ở lý do bà N tự ý bán cây giống trước mà không thông báo cho ông biết; tuy nhiên ông L không cung cấp được chứng nào thể hiện việc bà N, ông D tự ý bán một số cây giống là bà N ông D vi phạm hợp đồng. Do đó không có cơ sở xác định ông L bà N vi phạm hợp đồng.

Bà N ông D thừa nhận có hứa trả lại tiền cho ông L trong quá trình hòa giải tại UBND xã T, hứa có điều kiện là khi bán được hết số lượng cây giống nhưng thực tế bị đơn đã không bán hết được số lượng cây giống. Quá trình hòa giải tại UBND xã T, ông L cũng đã biết bà N không bán hết số cây giống, do bà N vẫn còn yêu cầu ông L bứng cây giống trong thời hạn; ngoài ra chủ đất mà bà N thuê cũng có lời khai là bà N phải thuê người nhổ bỏ cây giống để trả đất cho ông. Vì vậy, việc bà N, ông D hứa trả lại tiền cho ông L khi bán được hết cây giống được xem thiện chí của ông D, bà N chứ không phải là nghĩa vụ của ông D bà N do vi phạm hợp đồng.

Do ông L không chứng minh được phía bị đơn vi phạm hợp đồng nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của ông L về việc buộc ông D, bà N trả số tiền 50.000.000 đồng cho ông L.

[2.2] Đối với số tiền phân thuốc mà ông L yêu cầu, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bị đơn thừa nhận có nhờ nguyên đơn mua phân thuốc nhưng cho rằng đã trả xong hết, nguyên đơn cũng thừa nhận đã nhận số tiền 4.390.000 đồng của bị đơn nhưng cho rằng bị đơn chưa trả đủ vì tổng số tiền mua phân thuốc là 7.440.000 đồng .

Quá trình giải quyết vụ án, ông L cung cấp bản tự khai của ông L có chữ ký của ông Phạm Minh T1 (là người bán vật tư nông nghiệp) thể hiện ông L có mua phân thuốc với tổng tiền mua phân thuốc 7.440.000 đồng .Tuy nhiên chứng cứ này cũng không đủ cơ sở xác định số phân thuốc với tổng số tiền 7.440.000 đồng ông L đã mua và giao cho phía bị đơn, bị đơn chưa trả đủ số tiền này. Do đó không đủ cơ sở chấp nhận theo khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu phía bị đơn trả số tiền 3.050.000 đồng tiền phân thuốc.

[2.3] Đối với số tiền làm bo cam, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 2.000.000 đồng:

Bị đơn thừa nhận có nhờ nguyên đơn mượn người làm bo cây cam để chở qua cho bị đơn ghéo cây, bị đơn cũng thừa nhận tiền làm bo cây là do bị đơn phải trả nhưng chưa trả cho nguyên đơn. Bị đơn cho rằng tiền công làm bo cây chỉ là 500 ngàn đồng,

trong khi nguyên đơn cung cấp xác nhận của bà **Trần Thị Mộng T2** là người được ông **L** mượn cắt bo cam với 05 người làm trong 02 ngày là 2.000.000 đồng. Vì vậy có cơ sở xác định nguyên đơn có mượn người làm bo cây cho bị đơn với số tiền 2.000.000 đồng và bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền này.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên bà **N**, ông **D** phải chịu án phí là 2.000.000 đồng x 5% = 100.000 đồng (*một trăm ngàn đồng*);

Ông **L** phải chịu án đối với phần không được chấp nhận là 53.050.000 đồng x 5% = 2.652.500 đồng (*hai triệu sáu trăm năm mươi hai ngàn năm trăm đồng*)

[4] Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 147, 157, 165, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 117, 328, 401, 430 Bộ luật Dân sự;

Áp dụng Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông **Nguyễn Văn L** đối với bà **Trần Thúy N**, ông **Dương Văn D**. Buộc bà **Trần Thúy N**, ông **Dương Văn D** có nghĩa vụ trả cho ông **L** số tiền công làm bo cây giống là 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Nguyễn Văn L** đối với bà **Trần Thúy N**, ông **Dương Văn D** về việc buộc bà **Trần Thúy N**, ông **Dương Văn D** trả cho ông **Nguyễn Văn L** số tiền đã đặt cọc là 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*) và 3.050.000 đồng (*ba triệu không trăm năm mươi ngàn đồng*) tiền mua phân thuốc.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông **Nguyễn Văn L** có nghĩa vụ chịu án phí là 2.652.500 đồng (*hai triệu sáu trăm năm mươi hai ngàn năm trăm đồng*) nhưng được khấu trừ vào biên lai thu tạm ứng án phí số 0000799 ngày 12/10/2023 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Ông **L** còn phải nộp tiếp số tiền án phí là 1.401.500 đồng (*một triệu bốn trăm linh một ngàn năm trăm đồng*).

Ông **Dương Văn D** và bà **Trần Thúy N** phải liên đới nộp số tiền án phí là 100.000 đồng (*một trăm ngàn đồng*)

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

-TAND tỉnh Bến Tre;

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

-VKSND huyện Châu Thành;

-Chi cục THADS huyện Châu Thành;

-Các đương sự;

-Lưu hồ sơ vụ án.

Hoàng Thị Tuyết

